

KÍCH CẦU Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ CÁC LĨNH VỰC CẦN ƯU TIÊN TRONG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Nguyễn Thị Phương Hoa*

Để ngăn chặn nguy cơ suy giảm kinh tế từ tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Chính Phủ Việt Nam đã đưa ra gói kích thích kinh tế trị giá 17 nghìn tỉ đồng. Vấn đề đặt ra là cách chi tiêu gói hỗ trợ này sao cho phát huy hiệu quả nhất. Bài viết phân tích các yếu tố trong tổng cầu, khả năng bị ảnh hưởng của các nhân tố này từ khủng hoảng kinh tế thế giới, và khả năng tác động lan toả từ các nhân tố này đến nền kinh tế Việt Nam nói chung. Từ đó, bài viết đề xuất các lĩnh vực nên được hỗ trợ từ gói kích thích, theo trình tự ưu tiên, bao gồm xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng thay thế nhập khẩu (ví dụ thực phẩm chế biến), sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc và các sản phẩm xuất khẩu sử dụng nhiều lao động (như dệt may và giấy dếp).

1. Vấn đề ưu tiên đặt ra trong chính sách liên quan đến các gói kích thích kinh tế

Suy thoái kinh tế bắt đầu từ Hoa Kỳ đã lan ngày càng rộng ra các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển. Điều này cho thấy nhược điểm của thị trường và khẳng định sự cần thiết của vai trò điều tiết của chính phủ. Vì thế, các gói kích thích kinh tế lần lượt được các chính phủ Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước khác công bố nhằm đối phó với khủng hoảng. Sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới và hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu, mối liên hệ của Việt Nam với các nước thông qua quan hệ thương mại, đầu tư và hợp tác lao động ngày càng tăng. Sự suy

thoái kinh tế toàn cầu có thể dẫn đến sự giảm sút nhu cầu thế giới đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam, sự giảm và giãn tiến độ đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng như giảm nhu cầu về lao động xuất khẩu của Việt Nam. Điều này có thể làm tăng thất nghiệp và giảm tốc độ phát triển dự kiến. Để ngăn chặn khả năng về những ảnh hưởng tiêu cực này, Chính phủ Việt Nam đã quyết định thực hiện gói kích thích kinh tế trị giá 17000 tỉ đồng. Một số tranh luận nảy sinh xung quanh gói kích thích này. Thứ nhất, liệu Chính phủ có nên can thiệp và can thiệp theo hình thức hỗ trợ lãi suất vì quan điểm đã được thừa nhận từ lâu trong lý thuyết và thực nghiệm là hỗ trợ bằng lãi suất ngân hàng là không hiệu quả kinh tế. Thứ hai, hỗ trợ bằng lãi suất là kích cung, liệu có phù hợp với thời điểm suy thoái kinh tế thế giới hiện tại và chủ trương kích cầu của Chính phủ. Thứ ba, nếu thực hiện gói kích thích thì ngành nghề nào nên được ưu tiên trong số rất nhiều ngành nghề của nền kinh tế?

2. Gợi ý chính sách về thứ tự ưu tiên trong gói kích thích kinh tế

Về quan điểm hỗ trợ lãi suất là không hiệu quả, nên để doanh nghiệp nào chấp nhận được lãi suất thị trường (tức làm ăn hiệu quả) thì tồn tại, doanh nghiệp nào không đáng đáng được lãi suất thị trường (tức làm ăn yếu) thì thoái lui, không nên

* Nguyễn Thị Phương Hoa, Tiến sĩ kinh tế, giảng viên khoa kế toán, trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

cung cấp tín dụng giá rẻ cho các doanh nghiệp ốm yếu. Quan điểm này là quan điểm trong bối cảnh thị trường hoạt động bình thường và là quan điểm dài hạn. Trong thời điểm kinh tế khó khăn hiện tại, sự can thiệp của Chính phủ thay vì để tự thị trường tự điều tiết sẽ là cần thiết vì sự can thiệp của Chính phủ vào thời điểm hiện tại sẽ có vai trò hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của suy giảm kinh tế thế giới đến an sinh xã hội Việt Nam, nhất là những tầng lớp dễ bị tổn thương trong xã hội như những người lao động nhỏ lẻ, trình độ nghiệp vụ thấp khó duy trì được việc làm trong thời điểm kinh tế khó khăn. Quan điểm không sử dụng tín dụng trợ giá là quan điểm xét về hiệu quả kinh tế, tuy nhiên, mục tiêu của nhà nước là phát triển xã hội, trong đó có hiệu quả kinh tế, giáo dục, sức khỏe, môi trường và an sinh xã hội. Do đó, sự can thiệp của Chính phủ là cần thiết. Trong các công cụ chính sách, tín dụng ưu đãi và thuế được sử dụng nhằm tác động vào những đối tượng cụ thể được đánh giá là sẽ mang lại hiệu quả cao hơn những đối tượng khác.

Vấn đề thứ hai được tranh luận là chính sách hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp được nhìn nhận là có tác dụng kích cung vì hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh, trong khi suy giảm kinh tế thì khó khăn các doanh nghiệp gặp phải là đầu ra tiêu thụ khó, nên cần kích thích tăng cầu. Trên thực tế, chính sách hỗ trợ lãi suất có thể có tác dụng kích cầu mạnh nếu lựa chọn ngành nghề cho vay ưu đãi đúng. Một số ngành có liên kết kinh tế mạnh với các ngành khác, như xây lắp có mối liên kết mạnh với các ngành sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, sắt, thép, gạch, đồ trang trí nội thất,... kích thích ngành xây dựng thông qua cho vay lãi suất ưu đãi sẽ tạo ra nhu cầu gia tăng cho các ngành sản xuất vật liệu xây dựng. Do đó, chính sách hỗ trợ lãi suất đối với doanh nghiệp xây lắp gián tiếp tạo ra sự kích thích nhu cầu.

Vấn đề đặt ra là chi tiêu gói kích thích này như thế nào để phát huy tác dụng kích thích mạnh nhất. Bài viết phân tích các yếu tố trong tổng cầu, nhận định khả năng ảnh

hưởng của các nhân tố này bởi suy giảm kinh tế thế giới và từ đó lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên trong chính sách hỗ trợ.

Tổng cầu bao gồm cầu của hộ gia đình về hàng tiêu dùng, cầu của doanh nghiệp và nông dân về các yếu tố đầu vào cho sản xuất, cầu của chính phủ về hàng hoá và dịch vụ cho hoạt động thường xuyên và nhu cầu thuần về hàng hoá dịch vụ của nước ngoài đối với hàng hoá dịch vụ xuất khẩu của Việt Nam. Hàng tiêu dùng có thể phân chia thành hai loại là hàng xa xỉ và hàng tiêu dùng cơ bản. Hàng tiêu dùng xa xỉ, như ô tô, không nên là lĩnh vực được ưu tiên trong gói kích thích kinh tế. Sở dĩ như vậy vì hàng hoá xa xỉ phần lớn là từ nhập khẩu, nên hỗ trợ các mặt hàng này không có tác dụng nhiều đối với kinh tế trong nước. Bên cạnh đó, nhu cầu về những hàng hoá này giảm mạnh trong thời kỳ kinh tế suy yếu, tâm lý của người Việt Nam vốn tiết kiệm nhiều, nên không dễ kỳ vọng có thể kích thích người Việt Nam tăng chi tiêu cho những mặt hàng xa xỉ. Vì lẽ đó chính sách cho vay ưu đãi của ngân hàng nhằm kích thích mua ô tô, mua nhà có giá trị cao không nên được thực hiện trong giai đoạn này. Gần tương tự như vậy là hiệu ứng thấp của chính sách giãn nợ thuế thu nhập cá nhân nhằm khuyến khích người dân chi tiêu nhiều hơn trong thời kỳ khó khăn. Đây là chính sách được Chính phủ Hoa Kỳ lựa chọn để thực hiện trong gói kích thích gần 700 tỉ đôla, tuy nhiên đối với Việt Nam có thể là không hiệu quả. Sở dĩ như vậy bởi vì đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân có thu nhập cao, họ chiếm một tỉ trọng nhỏ trong dân số Việt Nam. Do đó, việc giãn nợ thuế thu nhập cá nhân dù có khuyến khích được các cá nhân này khỏi việc cắt giảm chi tiêu cũng khó có thể tạo ra hiệu ứng mạnh xét trong phạm vi toàn xã hội.

Để kích thích nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp, Chính Phủ Việt Nam đã quyết định cắt giảm lãi suất cho các doanh nghiệp và giảm thuế VAT cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Cắt giảm lãi suất và giảm thuế đều có tác dụng giảm chi phí đối với doanh nghiệp nên tạo thuận lợi cho doanh

ngành trong cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, doanh nghiệp thuộc nhiều ngành nghề khác nhau, khác nhau về tiềm năng tăng trưởng, về mức độ sử dụng lao động, và về kết nối với các ngành khác (các ngành cung cấp đầu vào và các ngành sử dụng đầu ra). Trong khuôn khổ có hạn của gói kích thích, nhận định các lĩnh vực cụ thể để ưu tiên tập trung hỗ trợ là điều rất cần thiết và hữu hiệu.

Tiêu chuẩn để lựa chọn các doanh nghiệp ưu tiên nên là sử dụng nhiều lao động và có mối liên kết mạnh với các ngành kinh tế nội địa (các ngành cung cấp các yếu tố đầu vào và sử dụng các yếu tố đầu ra). Sở dĩ như vậy bởi vì các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động hay doanh nghiệp có liên kết kinh tế mạnh cung cấp (trực tiếp hay gián tiếp) một số lượng lớn công ăn việc làm cho người lao động, do đó sự giải thể hay suy giảm của các doanh nghiệp này có thể gây ra ảnh hưởng lớn đối với xã hội. Trong các ngành sử dụng nhiều lao động, sự tập trung hỗ trợ có thể hướng vào các doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng thay thế nhập khẩu. Các ngành xuất khẩu sử dụng nhiều lao động như dệt may, giày dép, và vật liệu xây dựng có thể bị ảnh hưởng nhiều bởi suy thoái kinh tế thế giới nên cần sự hỗ trợ. Các ngành sản xuất hàng tiêu dùng thay thế nhập khẩu như thực phẩm chế biến nên cần được hỗ trợ vì nhu cầu của người tiêu dùng đối với các mặt hàng này không giảm nhiều theo suy yếu kinh tế, nhưng cạnh tranh từ hàng nhập khẩu sẽ gia tăng. Khuyến khích các ngành sản xuất hàng tiêu dùng thay thế nhập khẩu có thể khai thác lợi thế thị trường nội địa tương đối lớn với 85 triệu dân. Bên cạnh đó, các ngành chế biến thực phẩm sử dụng nhiều nông sản và thủy sản như yếu tố đầu vào của sản xuất nên hỗ trợ các ngành chế biến thực phẩm sẽ tạo ra nhu cầu gián tiếp đối với nông nghiệp và thủy sản.

Xét về liên kết kinh tế mạnh, xây dựng là một ngành tiêu biểu. Ngành xây dựng ở Việt Nam sử dụng nhiều yếu tố đầu vào nội địa như xi măng, gạch, thép, thiết bị nội thất, vôi, sơn, đá, cát và tạo ra một số lượng lớn

công ăn việc làm cho người lao động. Đầu ra của ngành xây dựng như đường, cầu, trạm thủy lợi, có tác dụng tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp vận tải nói riêng. Bằng việc hỗ trợ các doanh nghiệp xây lắp Chính phủ Việt Nam có thể gián tiếp duy trì và tăng nhu cầu đối với các ngành sản xuất vật liệu xây dựng và hỗ trợ các doanh nghiệp vận tải. Trong phạm vi ngành xây dựng, cơ sở hạ tầng như đường, cầu, trường học, bệnh viện, điện, cảng, và nhà cho người có thu nhập trung bình và thấp nên được ưu tiên. Sở dĩ như vậy bởi vì nhu cầu cho những sản phẩm này cao và ích lợi của các sản phẩm này lớn đối với xã hội. Các ngân hàng có thể thực hiện chính sách cho vay ưu đãi để mua nhà đối với người có thu nhập trung bình và thấp nhằm hỗ trợ cho ngành xây lắp.

Một ngành có liên kết mạnh với các ngành khác là vận tải. Hỗ trợ vận tải có thể giảm chi phí vận tải, tăng cường lưu thông. Tuy nhiên, doanh nghiệp vận tải không sử dụng nhiều lao động, nên hỗ trợ ngành vận tải có thể không cần thiết trong thời kỳ suy giảm kinh tế.

Nhu cầu của nông dân về các yếu tố đầu vào bao gồm nhu cầu về giống, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc. Để hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp sản xuất giống, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, nên cần được hỗ trợ. Phân bón, thuốc trừ sâu và thức ăn gia súc là những đầu vào rất quan trọng đối với sản xuất của nông dân. Người nông dân có thể có ít để chi tiêu trong thời kỳ kinh tế suy giảm, nên hỗ trợ các ngành sản xuất đầu vào nông nghiệp và thủy sản sẽ giúp nông dân giảm bớt chi phí đầu vào, ngăn chặn sản xuất nông nghiệp và thủy sản khỏi đi xuống. Nông dân Việt Nam chiếm 70% dân số nên biểu thị nhu cầu rất lớn và cần trở thành trọng tâm trong hỗ trợ của Chính Phủ. Giá đầu vào thấp hơn cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản có thể tạo ra ảnh hưởng rất lớn. Bên cạnh đó, nhiều sản phẩm nông nghiệp và ngư nghiệp như gạo, cà phê, cao su, cá, tôm, là những ưu thế xuất khẩu của Việt Nam. Các sản phẩm này là những hàng tiêu dùng cơ bản nên nhu cầu

nước ngoài đối với những sản phẩm này có thể không bị giảm sút và có thể khai thác nhu cầu này. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và thủy sản của nông dân có thể thực hiện thông qua hỗ trợ cho các ngành sản xuất các yếu tố đầu vào và hỗ trợ trực tiếp cho nông dân thông qua tín dụng ưu đãi, gia hạn nợ cho các hộ sản xuất gặp khó khăn, đặc biệt trong lĩnh vực thủy sản. Đặt nông dân vào trọng tâm hỗ trợ là cần thiết vì nông dân chiếm số đông trong dân số Việt Nam nhưng lại là đối tượng dễ bị tổn thương trong kinh tế thị trường do đặc điểm ít kiến thức và kinh nghiệm kinh doanh.

Nhu cầu của Chính phủ bao gồm cầu về hàng hoá và dịch vụ cho hoạt động thường xuyên và nhu cầu về đầu vào của doanh nghiệp nhà nước. Nhu cầu về hàng hoá dịch vụ cho hoạt động thường xuyên dựa trên mức độ hoạt động của các cơ quan chính phủ và do đó tương đối ổn định. Nhu cầu đầu vào của doanh nghiệp nhà nước tương tự như đầu vào của các doanh nghiệp tư nhân đề cập ở trên. Do đó các doanh nghiệp xây lắp nên được hỗ trợ vì có tác động rộng đến cả nền kinh tế.

Một cách thức tăng tổng cầu có thể thực hiện là hạn chế nhu cầu nhập khẩu. Với việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, Việt Nam đã cam kết bỏ dần các rào cản thuế quan và phi quan thuế. Do đó, không thể tăng thuế nhập khẩu hay áp dụng các rào cản phi quan thuế thông thường để hạn chế nhập khẩu. Trong tình hình đó, Chính Phủ có thể sử dụng các biện pháp truyền thông (đài, báo, vô tuyến...) kêu gọi người dân, các cơ quan chính phủ và các doanh nghiệp hạn chế nhập khẩu và chuyển sang sử dụng hàng nội địa có khả năng thay thế, cụ thể như các mặt hàng tiêu dùng như giấy, văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, thức ăn chế biến, đồ gia dụng... Với khủng hoảng kinh tế thế giới, hàng nước ngoài trở nên rẻ hơn, chính sách kích cầu cũng có thể khiến các doanh nghiệp có nhiều tiền hơn, đồng tiền Việt Nam đang có xu hướng bị đánh giá cao, nên khả năng nhập khẩu tăng là rất cao. Điều đó đòi hỏi phải áp dụng các biện pháp truyền thông tích cực để các doanh nghiệp có ý thức hạn chế nhập khẩu.

Bên cạnh hạn chế nhập khẩu, tổng cầu có thể tăng bằng cách tăng xuất khẩu. Chính Phủ cần hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu trong việc tìm kiếm và hoạt động ở thị trường mới, các thị trường ít bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế thế giới như các nước xuất khẩu dầu, các nước nam Phi (Nam Phi, Namibia...), khu vực Đông Âu. Quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước xuất khẩu dầu lửa hiện còn ít, chủ yếu tập trung ở xuất khẩu gạo và với khối lượng vẫn còn nhỏ, trong khi Việt Nam có rất nhiều các mặt hàng xuất khẩu thuộc nông sản và thủy sản. Vấn đề là cần điều chỉnh làm cho các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam phù hợp với nhu cầu, tập quán tiêu dùng và văn hoá của người dân sở tại. Với lợi thế rất nhiều mặt hàng nông sản và thủy sản xuất khẩu, cần lựa chọn mặt hàng hay một số mặt hàng phù hợp với đặc điểm từng thị trường. Có thể nhận thấy suy thoái kinh tế thế giới sẽ có ảnh hưởng đến một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam như dệt may, da giày, nhưng đa số các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam thuộc nhu cầu tiêu dùng thiết yếu (lương thực, thực phẩm, dầu thô...) do đó nhu cầu về các mặt hàng này vẫn sẽ tồn tại ngay cả khi tình hình kinh tế thế giới đi xuống.

Với các lĩnh vực ưu tiên đã xác định, vấn đề là trình tự ưu tiên của các lĩnh vực này. Sử dụng nhiều lao động (trực tiếp hay gián tiếp) có thể là tiêu chí để xác định thứ tự ưu tiên, vì mức độ sử dụng lao động cho thấy tác động rộng khắp đến cuộc sống của nhiều người, vấn đề nhạy cảm trong thời kỳ kinh tế khó khăn. Theo tiêu chí mức độ sử dụng lao động và ảnh hưởng tiềm năng, các lĩnh vực được ưu tiên sẽ là xây dựng, chế biến thực phẩm, sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc và dệt may.

Bên cạnh việc sử dụng gói kích thích kinh tế, Chính phủ Việt Nam có thể ngăn chặn suy giảm kinh tế bằng cách đẩy nhanh giải ngân vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Một bộ phận lớn của ODA ở Việt Nam là chi tiêu cho cơ sở hạ tầng, do đó gia tăng chi tiêu ODA có thể thúc đẩy xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng ở Việt Nam. Thực hiện các dự án

FDI đã cam kết cũng làm tăng công ăn việc làm cho người lao động bên cạnh khả năng kích thích các ngành kinh tế có liên quan. Hiện tại tỉ lệ thực hiện vốn FDI cam kết ở Việt Nam còn thấp dù vốn cam kết tăng nhiều qua các năm. Do đó, các nguyên nhân của việc giải ngân thấp cần được xác định để có biện pháp xúc tiến sự giải ngân.

Trên đây là những nội dung cơ bản đề xuất cho việc kích cầu ở Việt Nam nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới. Để hiện thực hoá những lợi ích của gói kích thích kinh tế, sự giám sát đối với chỉ tiêu gói kích thích cần được thực hiện. Giám sát tốt việc thực hiện gói kích thích sẽ có tác dụng giảm thiểu chỉ tiêu không đúng mục đích cũng như giảm khả năng gói kích thích có thể bị lạm dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Branson, William H. (1989), *Macroeconomics: Theory and Policy*, 3rd edition, Harper & Row, USA.
- Đặng Kim Sơn (2008), *nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam: Hôm nay và mai sau*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- FAO (2009), *FAO Statistics*, có tại: www.fao.org
- Fry, Maxwell J, (1997) "In Favour of Financial Liberalisation," *Economic Journal*, Royal Economic Society, vol. 107(442), tháng năm, trang 754-70.
- Haslag, J and Koo, J. (1999), *Financial Repression, Financial Development and Economic Growth*, Working Paper 9902, Research Department, Federal Bank of Dallas, có tại: <http://www.dallasfed.org/research/papers/1999/wp9902.pdf>
- Nguyen Thi Phuong Hoa (2004), *Foreign Direct Investment and its Contributions to Economic Growth and Poverty Reduction in Vietnam (1986-2001)*, Peter Lang Verlag, Frankfurt
- World Bank (2007), *World Development Report 2008: Agriculture for Development*, World Bank, Washington DC.
- World Bank (2005), *World Development Report 2006: Equity and Development*, World Bank, Washington DC.
- Joint Donor Report to the Consultative Group Meeting (2007) Vietnam Development Report: *Social Protection*, có tại: wds.worldbank.org/external/default/WDSContentServer/WDSP/IB/2008/06/04/000333038_20080604015001/Rendered/PDF/436530WP0REVIS1ction1final01PUBLIC1.pdf

¹ Nhu cầu thuần của nước ngoài về hàng hoá dịch vụ của Việt Nam là hiệu số giữa nhu cầu của nước ngoài về hàng hoá dịch vụ của Việt Nam (xuất khẩu) và nhu cầu của Việt Nam về hàng hoá dịch vụ của nước ngoài (nhập khẩu).